

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ MINH TRẦN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ MINH TRẦN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH TRAN TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH TRAN TRADE INVESTMENT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110398898

3. Ngày thành lập: 26/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 31 ngõ 193 Phố Định Công Hạ, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0931192336

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
4.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
7.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
8.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
12.	Bán buôn thực phẩm	4632
13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác (Trừ mua bán vàng miếng)	4662
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
24.	Khai thác gỗ	0220
25.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
27.	Dịch vụ đóng gói (trừ sang chai và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
29.	Giáo dục mẫu giáo	8512
30.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
31.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
33.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
34.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
35.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
36.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
37.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
38.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
39.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
40.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo trên không)	7310
41.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
42.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
43.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
44.	Cho thuê xe có động cơ	7710
45.	Bán buôn tổng hợp (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4690

46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
47.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
50.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
51.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
52.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
53.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
54.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
55.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
56.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410(Chính)
57.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
58.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
59.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
60.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
61.	In ấn (Trừ loại nhà nước cầm)	1811
62.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
63.	Sao chép bản ghi các loại	1820
64.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
65.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)	2420
66.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
67.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
68.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
69.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
70.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
71.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
72.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
73.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
74.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4789
75.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
77.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng hóa hàng không)	5229
80.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
81.	Hoạt động hậu kỳ	5912
82.	Hoạt động chiếu phim	5914
83.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
84.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
85.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
86.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
87.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
88.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
89.	Đại lý du lịch	7911
90.	Điều hành tua du lịch	7912
91.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
92.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
93.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
94.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
95.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
96.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
97.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
98.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
99.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
100.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
101.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
102.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
103.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
104.	Tái chế phế liệu	3830
105.	Xây dựng nhà để ở	4101
106.	Xây dựng nhà không để ở	4102
107.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
108.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
109.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
110.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
111.	Xây dựng công trình thủy	4291

112.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
113.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
114.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
115.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
116.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
117.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
118.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
119.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
120.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
121.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
122.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
123.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VŨ THỊ VÂN**

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *07/08/1982*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *C6292261*

Ngày cấp: *01/11/2018*

Nơi cấp: *Cục Quản Lý Xuất Nhập Cảnh*

Địa chỉ thường trú: *Số 108 Tập thể 124 Minh Khai, Đường Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 31, ngõ 193 phố Định Công Hạ, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THỊ VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 07/08/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C6292261

Ngày cấp: 01/11/2018

Nơi cấp: *Cục Quản Lý Xuất Nhập Cảnh*

Địa chỉ thường trú: *Số 108 Tập thể 124 Minh Khai, Đường Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 31, ngõ 193 phố Định Công Hạ, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội